

Bản án số: 90/2025/HS-PT

Ngày: 15-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Nguyễn Phước Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N do có kháng cáo của các bị cáo Trần Hồ D, Lê Minh N và bị hại Nguyễn Út M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh).

- **Bị cáo không kháng cáo:**

1. **Nguyễn Công T**, sinh năm: 1988 tại tỉnh Long An;
Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An; (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh);

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Trình độ học vấn: 11/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K.

Có vợ tên C Phạm Thị Diễm H1 và 01 người con sinh năm 2012;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 28-3-2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng”, đã đóng phạt ngày 04-4-2022.

Nhân thân:

Ngày 10-11-2019, bị Trưởng Công an huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Ngày 29-01-2024, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28-7-2023. (vắng mặt).

- *Các bị cáo kháng cáo:*

1. **Trần Hồ D**, sinh năm: 1984 tại huyện T, tỉnh Long An;

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh);

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn N2 (đã chết) và bà Phạm Thị X.

Có vợ tên Trần Thị Bích T1 (đã ly hôn) và 02 người con sinh năm 2016 và 2018;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17-11-2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình hoặc phương tiện khác để chứa bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. **Lê Minh N**, sinh năm: 2001 tại huyện T, tỉnh Long An;

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh);

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Chí P và bà Trần Kim H.

Chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N* là Luật sư Lê Văn Đ- thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt) và Luật sư Mai Thanh T2, Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh) (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Út M, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2. Bà Trần Kim H, sinh năm: 1978 (có mặt).

3. Ông Lê Chí P, sinh năm: 1980 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh).

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Kim D1, Cao Phạm Thị Diễm H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 45 phút ngày 31-3-2023, bà Trần Kim H dọn hàng cây trồng ra bán tại khu vực chợ T3, thuộc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, lúc này ông Nguyễn Út M cũng dọn hàng trên xe ô tô tải ra bán dưa hấu, hột vịt gần chỗ bà H bán. Lúc dọn hàng ông M để thùng xốp đựng rác sang lô đất của bà H buôn bán thì xảy ra mâu thuẫn với bà H, dẫn đến cự cãi nhau qua lại, ông M nói với bà H “Chị chửi quá tôi bóp “L” chị bây giờ”. Trong lúc cự cãi với ông M, bà H sợ ông M đánh nên gọi điện thoại cho Trần Hồ D (em ruột H) nói với D là có người hăm dọa đòi đánh H. Sau đó, H tiếp tục gọi điện thoại cho Lê Chí P (chồng H) nói có người đến bán đồ gần kiếm chuyện chửi, đòi đánh H. Trong lúc H và P nói chuyện qua điện thoại thì Lê Minh N (con ruột H) nghe được cuộc nói chuyện nên N tự ý lấy xe mô tô, nhãn hiệu Sirius biển số 62C1-025.85 điều khiển chạy một mình ra chợ T3 chỗ bà H đang bán. Cùng lúc này, D cũng lấy xe mô tô, nhãn hiệu Sirius biển số 61C1-445.73 một mình điều khiển chạy ra chợ T3 chỗ bà H đang bán. Trên đường đi, D điện thoại liên lạc cho Nguyễn Công T kêu T chạy lên chợ T3 xem có người đòi đánh chị H. Sau khi nghe điện thoại, T một mình điều khiển xe mô tô, biển số 63B6-448.48 ra chợ T3 chỗ bà H đang bán. Sau đó, N điều khiển xe mô tô một mình đến chỗ bà H trước, lúc này ông M đang ngồi trên thùng xe tải bán dưa hấu, N kêu ông M bước xuống xe ô tô tải xin lỗi bà H nhưng ông M không xuống. Khoảng 02 phút sau, T điều khiển xe mô tô một mình chạy đi đến, T dừng xe đậu cặp lộ đoạn trước lô bán cây trồng của bà H, T xuống xe mô tô đi lại gần chỗ N, T kêu ông M bước xuống đất để xin lỗi H nhưng ông M không xuống. Sau đó, D điều khiển xe mô tô một mình đi đến, D xuống xe mô tô đi lại chỗ N và T, D tiếp tục kêu ông M bước xuống xe ô tô tải để xin lỗi bà H nhưng ông M không xuống mà vẫn ngồi trên thùng xe tải. Sau đó, D đi lại phía sau đuôi xe tải lấy 01 đoạn ống nhựa, loại ống nước phi 21 đang để cặp thùng xe tải của ông M ném xuống đất, D và N cùng leo lên thùng xe tải thì ông M dùng tay nắm đầu của N đẩy ra nhưng N và D vẫn leo lên được thùng xe tải. Lúc này, D dùng tay phải nắm cổ áo trước ngực của ông M và dùng tay trái đánh 01 cái trúng vào đầu của ông M nhưng không gây thương tích, lúc này ông M lấy 01 cái dao, loại dao thái lan dài khoảng 10cm,

cán màu vàng cầm trên tay đâm về hướng người D nhưng không gây thương tích cho D, N dùng tay đẩy ông M ra, ông M tiếp tục dùng dao đâm 01 cái trúng vào vai N gây thương tích nhẹ, sau đó ông M tự ném dao xuống thùng xe tải và lấy 01 đoạn ống tuýp sắt cầm trên tay thì D dùng tay giật đoạn tuýp sắt, N bước xuống xe ô tô tải dùng tay nắm vào chân của ông M kéo, N và D cùng lôi kéo ông M ra gần đến phần phía sau đuôi xe của thùng xe tải thì làm ông M té nằm ngửa xuống lề lộ gây thương tích, D cũng té xuống lề lộ nhưng không bị thương tích, còn N nằm trên người ông M. Sau đó, D dùng hai tay ôm quật nhau với ông M, N dùng tay đánh 02 – 03 cái trúng vai ông M nhưng không gây thương tích. Thấy vậy, ông P (cha ruột N) chạy đến can ngăn, nắm kéo N ra.

Cùng lúc đó, T đang ngồi trên xe mô tô, T bước xuống xe mô tô đi lại chỗ ông M và D đang ôm vật nhau, lúc này ông M đang nằm nghiêng bên phải, đầu quay hướng ra lộ nhựa, T dùng chân trái đạp mạnh 02 cái từ trên xuống trúng vào vùng mặt bên trái của ông M gây thương tích, T tiếp tục dùng chân trái đạp 01 cái nữa và chà vào khu vực mặt bên trái của ông M gây thương tích cho ông M thì được người dân can ngăn, ông M được đưa đi điều trị thương tích.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 165/KLTTCT-TTPY ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L. Kết luận: Gãy thành ngoài ổ mắt trái; Gãy thành ngoài trước xoang hàm trái; Gãy gai bên L3 trái. Tỷ lệ phạm trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của Nguyễn Út M là 20%.

Tại Công văn về việc giải thích Pháp y về thương tích số: 145/TTPY-GĐTH ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L trả lời như sau:

- Gãy thành ngoài ổ mắt trái tỷ lệ phần trăm là 06%;
- Gãy thành ngoài trước xoang hàm trái tỷ lệ phần trăm là 08%;
- Gãy gai bên L3 trái tỷ lệ phần trăm là 07%.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSTT ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh) truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh) để xét xử các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) đã quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh).

Buộc bị cáo Nguyễn Công T chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2023.

2.2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hồ D 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh N 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Công T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 02 năm 2025) để đảm bảo thi hành án.

4. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 30 và 31 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Út M số tiền 100.304.678 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N đã bồi thường xong 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), các bị cáo còn phải bồi thường số tiền 40.304.678 đồng (bốn mươi triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi tám nghìn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, các bị cáo Lê Minh N3 và Trần Hồ D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, bị hại Nguyễn Út M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét những nội dung sau:

- Yêu cầu khởi tố bổ sung đối với ông Lê Chí P và bà Trần Kim H;

- Yêu cầu ông Lê Chí P và bà Trần Kim H có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại;

- Yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại theo bảng kê mà bị hại đã nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Các bị cáo Lê Minh N và Trần Hồ D kháng cáo xin được giảm nhẹ và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị hại trong thời gian luật định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về tố tụng do bị hại đã được triệu tập có đơn xin hoãn phiên tòa và Tòa án đã chấp nhận hoãn phiên tòa ngày 18/6/2025. Đến ngày mở phiên tòa lần hai ngày 03/7/2025, ông M tiếp tục có đơn xin thu thập chứng cứ và đã được chấp nhận hoãn phiên tòa lần hai. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị hại M tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Út M là đúng quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s và b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt tương xứng với hành vi các bị cáo thực hiện.

Xét kháng cáo của các bị cáo D và N: Các bị cáo kháng cáo có bổ sung biên lai nộp thêm tiền bồi thường cho bị hại đúng theo số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo D và N dưới mức hình phạt đã áp dụng. Do đó, mức án cấp sơ thẩm là tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò của các bị cáo nên đề nghị không xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo D và N. Việc các bị cáo D và N xin hưởng án treo xét do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được

hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo.

Xét kháng cáo của bị hại: Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường nhưng xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét và chấp nhận mức bồi thường 100.304.678 đồng là có căn cứ. Hơn nữa, bị hại cũng không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ bổ sung cho việc còn tiếp tục điều trị nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự. Việc bị hại cho rằng cần xử lý ông P và bà H với vai trò đồng phạm là không có căn cứ. Ngoài ra, việc bị hại yêu cầu ông P và bà H cùng liên đới với các bị cáo là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo D và N thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, thống nhất với quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về nhân thân của bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lo gia đình.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Trần Hồ D, Lê Minh N3 và bị hại Nguyễn Út M kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Do bị hại Nguyễn Út M đã được triệu tập lần thứ nhất, ông M có đơn xin hoãn phiên tòa và Tòa án đã chấp nhận hoãn phiên tòa ngày 18/6/2025. Đến ngày mở phiên tòa lần hai là ngày 03/7/2025, ông M tiếp tục có đơn xin thu thập chứng cứ và đã được chấp nhận hoãn phiên tòa lần hai để ông M cung cấp chứng cứ về việc điều trị thương tích. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại M tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Út M theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Vào khoảng 06 giờ ngày 31-3-2023, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân giữa bà Trần Kim H với ông Nguyễn Út M về việc dọn hàng ra bán tại khu vực chợ T3, thuộc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi biết sự việc, các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N cùng đến chỗ bà H để kêu ông M bước xuống xe ô tô tải để xin lỗi bà H nhưng ông M không bước xuống nên các bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N leo lên thùng xe ô tô tải đánh, xô xát và lôi kéo ông M xuống xe làm ông M té xuống lề lộ gây ra thương tích gãy gai bên L3 trái. Sự việc xô xát đã được ông Lê Chí P (chồng bà H) can ngăn, lúc này bị cáo Nguyễn Công T đi đến chỗ ông M nằm và dùng chân trái đạp mạnh 03 cái vào vùng mặt bên trái của ông M và dùng chân chà vào khu vực mặt bên trái của ông M gây ra thương tích gãy thành ngoài ổ mắt trái và gãy thành ngoài trước xương hàm trái.

[4] Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 là có căn cứ, không oan đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại về sức khỏe của bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b và s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Xét kháng cáo của bị hại nhận thấy:

[5.1] Về việc cho rằng bỏ lọt tội phạm:

Bị hại Nguyễn Út M cho rằng ngoài các bị cáo T, D và N còn có bà Trần Kim H và ông Lê Chí P là đồng phạm trong vụ án. Tuy nhiên, qua điều tra cũng như lời trình bày của các bị cáo thể hiện: Bà H có điện thoại cho D báo bị ông M dùng lời lẽ xúc phạm và đòi đánh thì D chạy ra, bà H không kêu D đi đánh ông M. Bà H cũng không kêu N và T cùng đi đánh ông M mà do Dương tự kêu T và N do nghe điện thoại nói chuyện giữa ông P và bà H nên tự ý chạy ra. Khi các bị cáo xô xát và đánh ông M thì bà H đang buôn bán, không hô hào, không kêu hay cổ vũ cho các bị cáo tấn công ông M. Đối với Lê Chí P (là chồng bà H) khi nghe bà H điện thoại thì không chạy ra ngay mà P chạy ra sau khi T, D và N đã đến và tấn công ông M. Chính ông P là người can ngăn không cho N tiếp tục tấn công ông M. Vì vậy, việc ông M cho rằng bỏ lọt người phạm tội là không có căn cứ.

[5.2] Về yêu cầu ông P và bà H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với thương tích của ông M là không có căn cứ. Bởi vì, bà H và ông P không phải là đồng phạm trong vụ án nên không phải chịu hậu quả cùng các bị cáo trong việc xâm hại đến sức khỏe của ông M. Vì vậy, cũng không phát sinh trách nhiệm của bà H và ông P trong việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe của ông M. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của ông M.

[5.3] Về việc yêu cầu tăng mức bồi thường của ông M, xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xác định các chi phí khám, điều trị thương tích; tiền ăn uống, chi phí mất thu nhập thực tế, bồi dưỡng hồi phục sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng 100.304.678 đồng là có căn cứ và phù hợp Điều 590 Bộ luật Dân sự. Ông M kháng cáo yêu cầu bồi thường số tiền 1.222.971.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp (dù đã được Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa để cung cấp chứng cứ). Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Út M về việc yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo D và N:

[6.1] Về việc xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo D và bị cáo N xét thấy: Sau khi bản án sơ thẩm đã tuyên xử thì các bị cáo D và N đều có nộp bổ sung số tiền 40.304.678 đồng bồi thường cho bị hại và án phí hình sự sơ thẩm và 2.615.233 đồng tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm theo các biên lai thu số 0003053 ngày 30/3/2025 và 0002401 ngày 20/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- tỉnh Tây Ninh). Như vậy, các bị cáo đã nộp đủ theo số tiền mà cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại và án phí phải thi hành. Chứng tỏ các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải và có thiện chí và thực hiện trách nhiệm trong việc bồi thường cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo D và N thể hiện sự khoan hồng đối với các bị cáo.

[6.2] Đối với việc các bị cáo D và N xin được hưởng án treo, xét thấy: Các bị cáo D và bị cáo N khi nghe bà H (là chị ruột của bị cáo D và là mẹ của bị cáo N) bị ông M xúc phạm và gây gổ thì đều tự ý chạy ra mà không rủ nhau. Chỉ có D rủ bị cáo T đi theo và khi ra đến nơi thì sự việc gây cãi giữa ông M và bà H đã kết thúc. Lúc này, bà H lo buồn bán cây, ông M đã lên trên thùng xe tải để tiếp tục bán dưa. D và N kêu ông M xuống xin lỗi bà H nhưng ông M không xuống thì lập tức D và N leo lên xe nhằm mục đích kéo ông M xuống. Ông M cầm dao chống trả các bị cáo thì bị D và N lôi kéo và rớt xuống xe gây gãy gai bên L3 trái của ông M. Bị cáo T đập vào mặt ông M xuống lộ làm ông M bị gãy xoang và gãy xương hốc mắt, tổng tỷ lệ thương tích là 20%. Vì vậy, hành vi của các bị cáo T, D và N thể hiện sự manh động, hung hăng, sẵn sàng dùng vũ lực để bắt người khác phải khuất phục theo ý chí của các bị cáo. Hành vi đó của các bị cáo T, D và N phạm tội đều thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Vì vậy, các bị cáo D và N không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi bổ sung một số điều

của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018) hướng dẫn về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho các bị cáo D và N hưởng án treo mà cần phải buộc các bị cáo chấp hành án phạt tù mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) về phần trách nhiệm dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N. Riêng bị cáo Nguyễn Công T không kháng cáo và đã thi hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 35/2025/QĐ-CA ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh).

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần; không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) về phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N3; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) về phần hình phạt.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2.1. Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Hồ D 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh N 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 30 và 31 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Út M số tiền 100.304.678 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Công T nộp theo Biên lai thu tiền số 0001466 ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh (bà C Phạm Thị Diễm H1 nộp thay) sang thi hành phần trách nhiệm dân sự cho bị hại ông Nguyễn Út M.

Chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Trần Hồ D nộp theo Biên lai thu tiền số 0001467 ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành phần trách nhiệm dân sự cho bị hại ông Nguyễn Út M.

Chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Lê Minh N nộp theo Biên lai thu tiền số 0001468 ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành phần trách nhiệm dân sự cho bị hại ông Nguyễn Út M.

Chuyển số tiền các bị cáo Trần Hồ D và Lê Minh N đều có nộp bổ sung số tiền 40.304.678 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.615.233 đồng tiền án phí dân sự, hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003053 ngày 30/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- tỉnh Tây Ninh) sang khoản phải thi hành. Các bị cáo đã thực hiện bồi thường xong.

4. Về án phí: Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Út M có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.679.989 đồng (bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng).

Buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.015.233 đồng (hai triệu, không trăm lẻ năm nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

Chuyển số tiền 2.615.233 đồng bị cáo D và bị cáo N đã nộp theo các biên lai thu số và 0002401 ngày 20/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- tỉnh Tây Ninh), các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Hồ D và Lê Minh N đã nộp xong tiền án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh